

Bản án số: 519/2020/HSST

Ngày: 25-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hải

2. Ông Hà Đức Kiên

3. Bà Hàn Hòa Thuận

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 đến ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 760/2020/TLST-HS, ngày 20/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6244/2020/QĐXXST-HS ngày 09/12/2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh T (tên gọi khác: Không); giới tính: nam; sinh ngày: 05/9/1971, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 116C, khu phố 7, phường TMT, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Số 130/5 ấp TT2, xã Q, huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: không; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; bị cáo có vợ là Lê Thị Hoàng Th, sinh năm 1973 và có con là Phạm Thanh T, sinh năm 1998; tiền sự: không.

Tiền án: Theo Bản án số 166/2011/HSST ngày 27/9/2011 Tòa án nhân dân huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 20/8/2019, đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt sung công quỹ vào ngày 13/6/2013.

Về nhân thân: Ngày 21/8/1991 bị Công an huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố tội “Trộm cắp tài sản” Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 4 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/8/1995; Ngày 29/10/2002 bị Công an huyện Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố tội “Mua bán trái phép chất ma túy” Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh xử 5 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/8/2007.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến nay tại trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T:* Ông Nguyễn Trung C, Luật sư- thuộc Văn phòng luật sư TN, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Lý Hồng Đ (Tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 25/9/1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18/5 TVH, Phường W, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: Số 1/17 B tổ 13, khu phố 6, phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lý Hồng P, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Lê Hồng Th, sinh năm 1979 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con là Nguyễn Thành Ph và Nguyễn Thành T cùng sinh năm 2002.

Tiền sự: không.

Tiền án: Theo Bản án số 107/2014/HSST ngày 17/6/2014 Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Lý Hồng Đ 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” và Bản án số 56/2015/HSST ngày 19/3/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, đã buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 9 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 23/01/2019, đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/7/2018.

Nhân thân: Ngày 19/9/1997 bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố tội “Trộm cắp tài sản công dân” Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 3 năm tù. Ngày 10/10/1998 bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố tội “Cướp giật tài sản công dân”, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù, tổng hợp hình phạt 05 năm tù, chấp hành án tại trại giam Chí Hòa, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/11/2000; Ngày 26/11/2005 bị Công an huyện Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố tội “Cướp giật tài sản” Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử 3 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2008.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến nay tại trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Huỳnh Phan Hoài G- sinh năm 1997

Trú tại: Ấp TH, xã CT, huyện PC, tỉnh Bình Định (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Trần Đăng K - Sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: Số 2/4, đường QT, phường Y, thành phố ĐB, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 30/5/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy công an huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp công an xã Tân Xuân, huyện W kiểm tra hành chính phòng 301 khách sạn Lê Quang địa chỉ 1/3T, ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện tại phòng có 03 người là Phạm Thanh T, Lý Hồng Đ và Dương Quang Đ2. Qua kiểm tra thu giữ ở túi quần bên phải của Phạm Thanh T có 02 (hai) gói nylon chứa tinh thể không màu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 95,6423g loại Methamphetamine); thu trong túi quần bên trái của T có 01 (một) gói nylon chứa tinh thể màu trắng (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 4,9549g loại Ketamine), 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 11,0342g loại Methamphetamine) và 10 viên nén (07 viên màu hồng là ma túy ở thể rắn có khối lượng 2,4890g loại Methamphetamine + Ketamine; 03 viên màu xanh là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,2819g loại Methamphetamine + Ketamine).

Thu trong túi quần bên trái của Lý Hồng Đ có 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 8,6544g loại Ketamine). Ngoài ra cơ quan công an còn thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Ite1, 01 xe gắn máy biển số 59P1-773.89; thu giữ của Lý Hồng Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Sony và 01 xe gắn máy biển số 59A3-24786. Cơ quan Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Thanh T và Lý Hồng Đ, niêm phong vật chứng và đưa về trụ sở làm việc. Đối với Dương Quang Đ2 không phát hiện ma túy trên người Công an huyện W sau khi làm việc đã cho Dương Quang Đ2 về.

Ngoài việc phát hiện các vật chứng trên, thì trong quá trình khám xét phòng 301 khách sạn Lê Quang không thu thêm giữ gì khác.

Tiến hành khám xét nơi ở của T; tại số 130/5, ấp TT2, xã Q, huyện W, Thành Hồ Chí Minh phát hiện thu giữ 01 cân tiểu ly, 01 bộ dụng cụ hút ma túy đá; 01 đoạn ống nhựa màu xanh có một đầu cắt nhọn.

Tiến hành khám xét nơi ở của Lý Hồng Đ tại số 1/17B tổ 13, khu phố 6, phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện thu giữ gồm: Thu tại trên ghế gỗ trong phòng khách có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,2094g loại Methamphetamine), 01 đoạn ống nhựa màu vàng có một đầu cắt nhọn, 01 bình nhựa sử dụng ma túy có gắn ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh chứa tinh thể màu nâu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,2257g loại Methamphetamine); thu trên kệ gỗ nhà bếp có 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1484g loại Heroine); thu tại phòng cạnh nhà bếp có 01 bịch nylon kích thước khoảng 12x25cm bên trong có chứa tinh thể không màu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,5071g loại Methamphetamine), 03 ống thủy tinh có chứa tinh thể màu nâu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1391g loại Methamphetamine), 01 muống kim loại có dính tinh thể không màu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1432g loại Methamphetamine) và một số túi nylon rỗng.

Tất cả số ma túy thu giữ đã được trưng cầu giám định, kết quả thể hiện tại bản kết luận số 923/KLGD-H ngày 05/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thanh T khai nhận: Vào khoảng đầu tháng 5 năm 2020 T có quen biết với một người đàn ông tên Dũng (không rõ nhân thân lai lịch) và biết Dũng có bán ma túy nên T liên lạc để mua ma túy về bán. Tối ngày 29/5/2020, có một người nữ tên Tí Nị (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T hỏi mua 200g ma túy đá, T báo giá 80.000.000 đồng, Tí Nị đồng ý và hẹn T đến khách sạn Lê Quang địa chỉ số 1/3T, ấp D, xã TX, huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh để giao ma túy. T liền gọi điện thoại cho Dũng đặt mua 200g ma túy đá, Dũng báo giá là 70.000.000 đồng T đồng ý. Đến trưa ngày 30/5/2020, Dũng gọi điện thoại cho T nói đã có ma túy và hẹn ra cầu Tham Lương, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh để giao ma túy. T điều khiển xe gắn máy của mình biển số 59P1-773.89 đến cầu Tham Lương gặp Dũng và tại đây, Dũng đưa cho T 01 gói nylon ma túy đá, đồng thời cho thêm T một gói nylon chứa ma túy khay, T đưa cho Dũng số tiền 50.000.000 đồng còn thiếu lại 20.000.000 đồng T hẹn sẽ trả cho Dũng khi bán hết số ma túy nêu trên, Dũng đồng ý. Sau đó T cất số ma túy trên vào túi quần bên phải rồi điều khiển xe đến khách sạn LQ. Trên đường đi T gọi điện thoại cho Lý Hồng Đ, hẹn Đ đến phòng 301 khách sạn Lê Quang do Tí Nị thuê từ trước để cùng sử dụng ma túy. Khi vào phòng thì có Tí Nị và Dương Quang Đ2 đang ở trong phòng. Sau đó T, Tí Nị, Dương Quang Đ2 dùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy của Tí Nị để sử dụng và kiểm tra ma túy do T mang đến, còn Lý Hồng Đ đi vào nhà vệ sinh nên không sử dụng. Một lúc sau Tí Nị

đi ra ngoài còn lại T, Lý Hồng Đ và Dương Quang Đ2 trong phòng thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính phát hiện thu giữ ma túy trong người T và trong người Lý Hồng Đ nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. T khai số ma túy đá 200g T mua của Dũng, T đã phân nhỏ bỏ vào 03 gói nylon cùng 10 viên thuốc lắc T đem đến khách sạn để bán cho Tí Nị nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Ngoài ra T còn khai trước đây đã hai lần bán ma túy đá cho Dương Quang Đ2 (tên thường gọi là Minh) thông qua Tí Nị giới thiệu. Cụ thể: Lần 1 vào ngày 23/5/2020, T bán cho Minh 1 hộp 5 ma túy đá với giá 2.400.000 đồng địa điểm giao ma túy gần trường Nguyễn Hữu Cầu. Lần 2 vào ngày 27/5/2020, T tiếp tục bán cho Minh 1 hộp 5 ma túy đá với giá 2.400.000 đồng và giao ma túy cho Minh tại ngã tư đường song hành với đường Lê Lợi, xã Q, huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại cơ quan điều tra Lý Hồng Đ khai nhận do biết Tí Nị có bán ma túy nên Đ liên lạc mua ma túy về để sử dụng. Khoảng 08 giờ ngày 30/5/2020, Đ mua một gói ma túy đá của Tí Nị tại khu vực ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, huyện W với giá 1.800.000 đồng và Tí Nị cho Đ thêm 01 gói nylon nhỏ chứa heroin, Đ bỏ tất cả vào trong túi quần và mang về nhà cất giấu tại địa chỉ: Số 1/17B, tổ 29, khu phố 6, phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho Đ rủ đến khách sạn LQ để sử dụng ma túy và Đ đồng ý. Đ mang theo số ma túy mới mua của Tí Nị bỏ vào trong túi quần bên trái đang mặc và điều khiển xe mô tô biển số 59A3-247.86 đến gần Bệnh viện Hóc Môn thì gặp T, T dẫn Đ lên phòng 301 khách sạn Lê Quang để sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang như đã nêu trên. Tất cả số ma túy thu giữ của Đ, Đ khai để sử dụng không nhằm mục đích nào khác.

Đối với Dương Quang Đ2 (thường gọi là Minh) khai nhận: Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội Đ quen với một người nữ thường gọi là Tí Nị (không rõ nhân thân lai lịch), biết Đ có sử dụng ma túy đá nên Tí Nị đã giới thiệu Đ mua ma túy của T để sử dụng và Đ đồng ý. Đ đã 02 lần mua ma túy của T. Cụ thể như sau: Lần 1 vào ngày 23/5/2020, Đ gọi điện thoại cho T đặt mua 01 hộp 5 ma túy đá với giá 2.400.000 đồng và T đã giao cho Đ tại gần trường Nguyễn Hữu Cầu; Lần 2 vào ngày 27/5/2020, Đ gọi điện thoại cho T đặt mua 01 hộp 5 ma túy đá với giá 2.400.000 đồng và T đã giao cho Đ tại ngã tư đường song hành với đường Lê Lợi, xã Q, huyện W. Lúc 11 giờ ngày 30/5/2020, Tí Nị nhờ Đ chở đi lấy đồ dùm tại khách sạn Lê Quang địa chỉ số 1/3T ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện W, Đ đồng ý. Đ lấy xe gắn máy của mình chở Tí Nị đến khách sạn Lê Quang, sau đó Tí Nị bảo Đ vào phòng 301 chờ người đến giao đồ cho Tí Nị. Được một lúc thì T và Lý Hồng Đ đến Tí Nị có việc đi ra ngoài. Lúc này lực lượng Công an kiểm tra hành chính phòng 301 phát hiện T và Lý Hồng Đ giấu ma túy trong người nên tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang. Công an huyện W sau kiểm tra không phát hiện ma túy nên đã cho Dương Quang Đ2 về. Sau đó Dương Quang Đ2 đi đâu không rõ đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra,

Công an Thành phố Hồ Chí Minh chưa làm việc được, xác minh nơi thường trú, nơi cư trú không có Dương Quang Đ2 ở địa chỉ trên. Do đó chưa làm rõ được việc T khai dối 01 hộp 5 ma túy đá với Đ lấy 10 viên thuốc lắc mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục xác minh truy tìm đối với Đ khi có cơ sở sẽ xử lý theo quy định.

Đối với đối tượng tên Dũng và người phụ nữ tên Tí Nị (là người mua, bán ma túy) cho T, cũng như Tí Nị (là người đàn ông bán ma túy) Đ đều không rõ lai lịch, đồng thời do bị cáo T và Đ khai không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở để xác minh, truy bắt.

Vật chứng vụ án: Đã được liệt kê tại phiếu nhập kho vật chứng số 520/PNK/20 ngày 19/10/2020 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh; gồm có:

- Thu của Phạm Thanh T:

+ 02 (hai) gói niêm phong ghi vụ 923/20 - Hóc Môn được đánh số thứ tự 1 và 2; có có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC09), đồng chí Nguyễn Đăng Thành cán bộ phòng PC04 và chữ ký của Phan Thanh T; có một dấu đỏ trên miếng giấy dán niêm phong tên Đại úy Phan Tấn Quốc và một dấu đỏ của Công an xã Tân Xuân, huyện W; bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL.

+ 01 (một) xe gắn máy biển số 59P1-773.89 (SK: RLHJF5124FY106848, SM: JF51E-0312919); T khai mua lại của một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 11.000.000 đồng vào khoảng tháng 3/2020. Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trưng cầu giám định xe gắn máy trên kết quả biển số xe không trùng khớp với số khung, số máy xe. Biển số xe trên do anh Lê Công Kh1 (Sinh năm: 1987, HKTT: 539/49 Lũy Bán Bích, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký, chiếc xe gắn máy biển số 59P1-773.89 của anh Kh1 đã bị mất trộm vào ngày 02/02/2020 tại nơi thường trú. Qua xác minh số khung, số máy xe trên được biết xe gắn máy trên có biển số thật là 77E1-340.28, xe do bà Phan Thị Thu H, sinh năm: 1967, hộ khẩu thường trú: TH, CT, PC, Bình Định đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện PC, tỉnh Bình Định tiến hành xác minh, ghi lời khai bà Phan Thị Thu H. Kết quả được biết bà Phan Thị Thu H đã chết vào ngày 06/5/2017; tiến hành ghi lời khai ông Huỳnh Xuân Tr (chồng của bà H) được biết xe gắn máy trên do bà Phan Thị Thu H đăng ký chủ sở hữu vào tháng 01/2016 sau đó giao lại cho con gái là Huỳnh Phan Hoài G, sinh năm: 1997 quản lý và sử dụng; đến khoảng tháng 6/2018, chị G cho anh Nguyễn Văn Đạo, sinh năm: 1990 (anh rể G) mượn sử dụng. Ngày 08/6/2018, anh Đạo điều khiển xe gắn máy trên đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định thì bị mất trộm; sự việc

trên anh Đạo đã trình báo tại Công an phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tiếp nhận xe gắn máy trên để xử lý theo thẩm quyền.

+ 01 (một) cân tiểu ly; 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá và một đoạn ống hút nhựa màu xanh được cắt nhọn một đầu.

- Thu giữ của Lý Hồng Đ gồm:

+ 04 (bốn) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 923/20 – Hóc Môn được đánh số thứ tự 3 đến 6; có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC09), đồng chí Nguyễn Đăng Thành cán bộ phòng PC04 và chữ ký của Lý Hồng Đ ; có một dấu đỏ trên miếng giấy dán niêm phong tên Đại úy Phan Tấn Quốc; có một dấu đỏ Công an phường E, Quận Z; trên góc số 4,5,6 bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony; 01 (một) bình nhựa trên nắp bình có gắn một ống hút màu đen; một đoạn ống hút nhựa màu vàng được cắt nhọn một đầu và một số túi ny lon bên trong không chứa gì.

+ 01 (một) xe gắn máy biển số 59A3-247.86 (SK: MLTSRA109JB007633, SM: 163FML3F-A0017633); Đ khai là của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đưa cho Đ sử dụng để gán nợ số tiền 6.000.000 đồng mượn của Đ vào khoảng tháng 3/2020 tại một cửa hàng chơi game bắn cá thuộc huyện W (Đ không rõ địa chỉ). Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hồ Chí Minh đã trưng cầu giám định xe gắn máy trên kết quả biển số xe không trùng khớp với số khung, số máy xe. Biển số xe trên do anh Lê Văn Thông (Sinh năm: 1990, HKTT: 506/49/52F Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Chiếc xe gắn máy biển số 59A3-247.86 của anh Thông là loại xe SH300i nhãn hiệu Honda và anh Thông hiện tại đang sử dụng. Qua xác minh số khung, số máy xe trên được biết xe gắn máy trên có biển số thật là 49A1-006.33, xe do anh Trần Đăng K (Sinh năm: 1995, HKTT: 2/4 Quang Trung, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại Công an phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng được biết K đã bán nhà đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu và không liên lạc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe trên

Tại bản Cáo trạng số 559/CT-VKS-P1 ngày 17/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Lý Hồng Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Phạm Thanh T, Lý Hồng Đ đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị như sau:

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 20 (hai mươi) năm tù; đồng thời buộc bị cáo phải nộp số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Lý Hồng Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Lý Hồng Đ từ 02 đến 03 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Thanh T không tranh luận về tội danh, nhưng về mức hình phạt thì bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và nhờ luật sư bào chữa.

Tại phiên tòa, luật sư Nguyễn Trung C bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T phát biểu: Luật sư đồng ý với tội danh đối với bị cáo là “Mua bán trái phép chất ma túy”, cũng như Điều, khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố, song mức án 20 năm tù mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Về hoàn cảnh gia đình bị cáo mới ra tù về ở với vợ, con, bị cáo với vai trò là lao động chính trong gia đình, nhưng bị cáo không thể xin được việc làm hợp pháp do kỳ thị của xã hội đối với người phạm tội, nhất là bị cáo bị nhiễm HIV, nên bị cáo mới tiếp tục phạm tội mua bán ma túy. Mặt khác số ma túy bị cáo mua, bán đã được phát hiện thu giữ kịp thời nên phần nào giảm tác hại cho xã hội, về các tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo dưới mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị, đồng thời xem xét không phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo chưa có thu lợi bất chính, cũng như bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo Phạm Thanh T không tranh luận bổ sung và đồng ý lời bào chữa của luật sư.

Bị cáo Lý Hồng Đ không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua nội dung đối đáp, luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng theo các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Thanh T, Lý Hồng Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định, lời khai và đôi chất của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định như sau:

- Đối với bị cáo Phạm Thanh T: Vì mục đích tư lợi, bị cáo Phạm Thanh T đã mua ma túy của đối tượng Dững (không rõ lai lịch) để bán cho người khác, thu lợi bất chính. Ngày 30/5/2020, tại phòng 301 khách sạn LQ, Phạm Thanh T có hành vi cất giấu trong người số ma túy qua giám định là 115,4023 gam (bao gồm: 106,6765 gam loại Methamphetamine; 4,9549 gam loại Ketamine; 3,7709 gam gồm loại Methamphetamine + Ketamine), để bán cho đối tượng tên Tí Nị (không rõ lai lịch) thì bị bắt quả tang. Do đó, hành vi của Phạm Thanh T đã cấu thành vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, phạm tội thuộc trường hợp “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*”, nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Phạm Thanh T được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với Lý Hồng Đ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, cụ thể vào khoảng 08 giờ ngày 30/5/2020, Đ mua một gói ma túy đá của Tí Nị tại khu vực ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, huyện W với giá 1.800.000 đồng và Tí Nị cho Đ thêm 01 gói nylon nhỏ chứa heroin, với tổng khối lượng qua giám định là 10,0194 gam (bao gồm: 8,6455 gam loại Ketamine; 1,2245 gam loại Methamphetamine ; 0,1484 gam loại Heroine). Do đó, Lý Hồng Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, phạm tội thuộc trường hợp “*Có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này*”, nên tội phạm và hình phạt

đối với bị cáo Lý Hồng Đ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có một tiền án theo bản án số 166/2011/HSST ngày 27/9/2011 Tòa án nhân dân huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 12 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/8/2019, nên bị cáo T thuộc trường hợp đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Đ có một tiền án theo bản án số 107/2014/HSST ngày 17/6/2014 Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Lý Hồng Đ 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” và bản án số 56/2015/HSST ngày 19/3/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai bản án thì bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung 9 năm tù và bị cáo Đ đã chấp hành xong án phạt tù ngày 23/01/2019, nên bị cáo Đ thuộc trường hợp bị kết án, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý. Nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Đ phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, các lời khai của bị cáo T và Dương Quang Đ2 có mua, bán ma túy 02 lần, song hiện không xác định được đối tượng Dương Quang Đ2 ở đâu, nên không có cơ sở để buộc bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải, nên các bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên đây là các tình tiết để Hội đồng xem xét có thể giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo.

Xét bị cáo Phạm Thanh T về nhân thân đã từng bị Tòa án nhân dân Quận Z xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” và Tòa án nhân dân huyện W xét xử hai lần về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đồng thời có một bản án đã bị kết án về

tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo Lý Hồng Đ về nhân thân đã từng bị Tòa án nhân dân Quận Z xét xử về tội “Cướp giật tài sản” và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về hai tội “Trộm cắp tài sản công dân” và “Cướp tài sản công dân” tuy đã được xóa án tích các bản án này, song bị cáo còn hai bản án của Tòa án nhân dân Quận Z và Tòa án nhân dân quận Bình Tân về hai tội “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản” chấp hành xong án phạt tù ngày 23/01/2019, nên bị cáo Đ thuộc trường hợp bị kết án, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “Tái phạm”. Từ đó, cho thấy các bị cáo T và Đ đã không tự cải sửa bản thân, lại phạm tội mới với hành vi đặc biệt nghiêm trọng và nghiêm trọng là có nhân thân rất xấu. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T trước lần phạm tội này thì đã có hai lần bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nên cần phải bắt bị cáo T chấp hành hình phạt tù theo một mức án nghiêm khắc với mức án tù không xác định thời hạn mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, song xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải tại phiên tòa ngày hôm nay, cũng như lượng ma túy thu giữ của bị cáo mới trên mức khởi điểm và đã được phát hiện thu giữ kịp thời. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy chỉ cần phải buộc bị cáo T, cũng như bị cáo Đ chấp hành hình phạt tù có thời hạn trong trại giam bằng một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra và cũng để cho các bị cáo có đủ thời gian tự cải tạo, rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật, và cũng là để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Do bị cáo Phạm Thanh T có hành vi mua bán ma túy và đã thu lợi nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T. Đồng thời buộc bị cáo T phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Bị cáo Lý Hồng Đ tàng trữ trái phép chất ma túy không vì mục đích vụ lợi, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Đối với đối tượng Dương Quang Đ2 khi bắt quả tang không thu giữ gì, sau khi làm việc Công an huyện W đã cho Đ về, đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh chưa làm việc được nên chưa có cơ sở xử lý trong vụ án này. Tại phiên tòa bị cáo T khai đối tượng Đ là người giới thiệu Tí Nị mua ma túy của bị cáo, đồng thời Đ đã cùng là người mua ma túy của bị cáo T. Nên, Hội đồng xét xử yêu cầu tiếp tục Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh điều tra để xử lý đúng theo các quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Dũng và người phụ nữ tên Tí Nị (là người mua, bán ma túy) cho T, cũng như Tí Nị (là người đàn ông bán ma túy) Đ đều không rõ lai lịch, đồng thời do bị cáo T và Đ khai không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở để xác minh, truy bắt. Hội đồng xét xử yêu cầu tiếp tục điều tra để xử lý theo các quy định của pháp luật.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố Phạm Thanh T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố Lý Hồng Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, có cơ sở để chấp nhận, đồng thời chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo tại phiên tòa.

Lập luận trên đây là cơ sở để không chấp nhận điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo T về xét xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, cũng như không có cơ sở để miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; luật sư, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản là hợp pháp.

[6] Các vấn đề khác:

6.1/ Về vật chứng của vụ án:

- Thu của Phạm Thanh T:

+ 02 (hai) gói niêm phong ghi vụ 923/20 – Hóc Môn được đánh số thứ tự 1 và 2; có có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC09), đồng chí Nguyễn Đăng Thành cán bộ phòng PC04 và chữ ký của Phan Thanh T; có một dấu đỏ trên miếng giấy dán niêm phong tên Đại úy Phan Tấn Quốc và một dấu đỏ của Công an xã Tân Xuân, huyện W; bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá và một đoạn ống hút nhựa màu xanh được cắt nhọn một đầu. Hội đồng xét xử thấy các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IteL; 01 (một) cân tiểu ly. Xét đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

+ 01 (một) xe gắn máy biển số 59P1-773.89 (SK: RLHJF5124FY106848, SM: JF51E-0312919); T khai mua lại của một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 11.000.000 đồng vào khoảng tháng 3/2020.

Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trưng cầu giám định xe gắn máy trên kết quả biển số xe không trùng khớp với số khung, số máy xe. Biển số xe trên do anh Lê Công K (Sinh năm: 1987, HKTT: 539/49 LBB, phường U, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký, chiếc xe gắn máy biển số 59P1-773.89 của anh Kh1 đã bị mất trộm vào ngày 02/02/2020 tại nơi thường trú. Qua xác minh số khung, số máy xe trên được biết xe gắn máy trên có biển số thật là 77E1-340.28, xe do bà Phan Thị Thu H, sinh năm: 1967, hộ khẩu thường trú: TH, CT, PC, Bình Định đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện PC, tỉnh Bình Định tiến hành xác minh, ghi lời khai bà Phan Thị Thu H. Kết quả được biết bà Phan Thị Thu H đã chết vào ngày 06/5/2017; tiến hành ghi lời khai ông Huỳnh Xuân Tr (chồng của bà H) được biết xe gắn máy trên do bà Phan Thị Thu H đăng ký chủ sở hữu vào tháng 01/2016 sau đó giao lại cho con gái là Huỳnh Phan Hoài G, sinh năm: 1997 quản lý và sử dụng; đến khoảng tháng 6/2018, chị G cho anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1990 (anh rể G) mượn sử dụng. Ngày 08/6/2018, anh Đ điều khiển xe gắn máy trên đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định thì bị mất trộm; sự việc trên anh Đ đã trình báo tại Công an phường TP, thành phố QN, tỉnh Bình Định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố QN, tỉnh Bình Định tiếp nhận xe gắn máy trên để xử lý theo thẩm quyền. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp nên chấp nhận.

- Thu giữ của Lý Hồng Đ gồm:

+ 04 (bốn) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 923/20 – Hóc Môn được đánh số thứ tự 3 đến 6; có có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC09), đồng chí Nguyễn Đăng Thành cán bộ phòng PC04 và chữ ký của Lý Hồng Đ ; có một dấu đỏ trên miếng giấy dán niêm phong tên Đại úy Phan Tấn Quốc; có một dấu đỏ Công an phường E, Quận Z; trên góc số 4,5,6 bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) bình nhựa trên nắp bình có gắn một ống hút màu đen; một đoạn ống hút nhựa màu vàng được cắt nhọn một đầu và một số túi ny lon bên trong không chứa gì. Hội đồng xét xử thấy các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; biển số 59A3-247.86 và biển số 59P1-773.89.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony. Xét đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

+ 01(một) xe gắn máy biển số 59A3-247.86 (SK: MLTSRA109JB007633, SM: 163FML3F-A0017633); Đ khai là của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đưa cho Đ sử dụng để gán nợ số tiền 6.000.000 đồng mượn của Đ vào khoảng tháng 3/2020 tại một cửa hàng chơi

game bắn cá thuộc huyện W (Đ không rõ địa chỉ). Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hồ Chí Minh đã trưng cầu giám định xe gắn máy trên kết quả biển số xe không trùng khớp với số khung, số máy xe. Biển số xe trên do anh Lê Văn Thông (Sinh năm: 1990, HKTT: 506/49/52F LLQ, Phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Chiếc xe gắn máy biển số 59A3-247.86 của anh Thông là loại xe SH300i nhãn hiệu Honda và anh Thông hiện tại đang sử dụng. Qua xác minh số khung, số máy xe trên được biết xe gắn máy trên có biển số thật là 49A1-006.33, xe do anh Trần Đăng K (Sinh năm: 1995, HKTT: 2/4 QT, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại Công an phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng được biết K đã bán nhà đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu và không liên lạc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe trên. Hội đồng xử thấy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nên giao cho Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo tìm chủ sở hữu, sau 12 tháng không có ai đến nhận thì sung công quỹ nhà nước.

6.2/ *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3/ *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Xử:

1.1/ Căn cứ điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thanh T** 20 (hai mươi) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2020.

Buộc bị cáo Phạm Thanh T phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

1.2/ Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lý Hồng Đ** 04 (bốn) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/5/2020.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

2.1/ Tịch thu tiêu hủy gồm: 02 (hai) gói niêm phong ghi vụ 923/20 – Hóc Môn được đánh số thứ tự 1 và 2; có có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC09), đồng chí Nguyễn Đăng Thành cán bộ phòng PC04 và chữ ký của Phạm Thanh T; có mộc dấu đỏ trên miếng giấy dán niêm phong tên Đại úy Phan Tấn Quốc và mộc dấu đỏ của Công an xã Tân Xuân, huyện W; 04 (bốn) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 923/20 – Hóc Môn được đánh số thứ tự 3 đến 6; có có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC09), đồng chí Nguyễn Đăng Thành cán bộ phòng PC04 và chữ ký của Lý Hồng Đ ; có mộc dấu đỏ trên miếng giấy dán niêm phong tên Đại úy Phan Tấn Quốc; có mộc dấu đỏ Công an phường E, Quận Z; trên góc số 4,5,6 bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá và một đoạn ống hút nhựa màu xanh được cắt nhọn một đầu; 01 (một) bình nhựa trên nắp bình có gắn một ống hút màu đen; một đoạn ống hút nhựa màu vàng được cắt nhọn một đầu và một số túi ny lon bên trong không chứa gì bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 biển số 59A3-247.86 và biển số 59P1-773.89.

2.2/ Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu IteI; 01 (một) cân tiểu ly; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony.

2.3/ Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda loại SH MODE, số khung: RLHJF5124FY106848, số máy: JF51E-0312919, biển số thật 77E1-340.28, do bà Phan Thị Thu H (sinh năm: 1967, hộ khẩu thường trú: TH, CT, PC, Bình Định) đứng tên chủ sở hữu.

2.4/ Giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo công khai trong hạn 12 tháng để tìm chủ sở hữu đối với 01(một) xe gắn máy hiệu GPX, loại Legend, có số khung: MLTSRA109JB007633, số máy: 163FML3F-A0017633, do anh Trần Đăng K (Sinh năm: 1995, HKTT: 2/4 Quang Trung, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) đứng tên chủ sở hữu với có biên số xe là 49A1-006.33. Nếu sau 12 tháng kể từ ngày thông báo mà không xác định được chủ sở hữu của tài sản nào thì tịch thu tài sản đó sung quỹ nhà nước theo quy định.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2021/040 ngày 10/11/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án,

Các bị cáo Phạm Thanh T và Lý Hồng Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 12 năm 2020) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Người CQLNVLQ; (1)
- Luật sư; (2)
- THAHS; (2)
- PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (25) (6)

Đặng Hồng Sơn